

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2020/DS-ST

Ngày: 23- 03- 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nghĩa;

Bà Trần Ngọc bảo Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy, là thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh - kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/2019/TLST-DS ngày 09/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-DS ngày 24/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-DS ngày 11/03/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Ngọc C**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp TT, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T có mặt; chị C vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 25/11/2019 của nguyên đơn là bà Phạm Thị T và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Vào khoảng tháng 8 năm 2014 bà cho chị C vay là 50.000.000 đồng, không có viết giấy tờ gì hết, lãi suất thỏa thuận miệng mỗi tháng là 6%/ tháng, thời hạn vay là khi nào cần thì bà sẽ thông báo trước một tháng lấy lại, mục đích chị C vay để cho vay lại. Quá trình vay chị C có trả cho bà hai tháng tiền lãi là vào tháng 9 và tháng 10 năm 2014 nhưng thực tế bà nhận tiền lãi của chị C có là 6.600.000 đồng, sau đó chị C ngưng không có trả lãi nữa. Một thời gian sau chị C có đến gặp bà, trả cho bà được 3.000.000 đồng nói là trả vốn gốc. Như vậy số tiền này chị C còn nợ bà vốn gốc là 47.000.000 đồng. Đến ngày 10/10/2019 chị C có trả tiếp cho bà 10.000.000 đồng vốn gốc, ngoài ra chị C không có trả lần nào nữa hết. Nay số tiền này chị C còn nợ lại 37.000.000 đồng.

Ngoài ra còn có khoản tiền vay và hai phần hội tiền hội như sau:

- Số tiền 5.000.000 đồng bà cho chị C vay vào đầu năm 2014, lãi suất mỗi tháng là 300.0000 đồng. Số tiền này chị C vay đến nay cũng không có trả.

- Phần tiền hội 5.000.000 đồng: là dây hội 1.000.000 đồng/1 tháng do bà Bích làm đầu thảo. Dây hội này bà chơi dùm cho chị C và đã hốt hội đưa cho chị C, nhưng sau khi hốt hội xong chị C không có đưa tiền cho bà đóng lại hội chết, nên bà đã đóng dùm cho 5 kỳ hội chết là 5.000.000 đồng, dây hội này đã mất. Nay chị C còn nợ lại bà 5.000.000 đồng.

Phần hội 20.000.000 đồng, bà và chị C có tham gia chơi chung, do bà Hạnh làm đầu thảo, phần hội này bà Hạnh đã giao chị C, chị C không có giao lại cho bà 20.000.000 đồng. Vì vậy chị C còn nợ bà phần tiền hội này là 20.000.000 đồng

Tất cả những khoản vay, hai phần hội, giữa bà và chị C với các chủ hội không có viết biên nhận hay thỏa thuận gì với nhau hết. Tại đơn khởi kiện bà có trình bày chị C nợ bà tổng cộng các khoản tiền trên là 77.000.000 đồng và trừ 10.000.000 đồng còn nợ lại bà là 67.000.000 đồng

Tại phiên tòa hôm nay, Bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay đầu năm 2014 là 5.000.000 đồng và hai phần tiền hội là 5.000.000 đồng và 20.000.000 đồng, bà không yêu cầu giải quyết. Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, Bà T thừa nhận chị C còn nợ lại bà vốn gốc là 37.000.000 đồng theo bản tường trình ngày 11/12/2019 mà chị C gửi cho Công an xã Tân Hương, thực tế bà có nhận hai tháng tiền lãi của chị C là 6.600.000 đồng vào khoản tháng 9 và tháng 10 năm 2014, nay bà đồng ý cần trừ số tiền lãi đã nhận vào số tiền vốn gốc 37.000.000 đồng. Như vậy chị C còn nợ lại bà vốn gốc là 30.400.000 đồng, bà chỉ yêu chị C trả cho bà số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

* Bị đơn chị Lê Thị Ngọc C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay bà C, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 5.000.000 đồng và tiền hụi 5.000.000 đồng và 20.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này của Bà T là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Bà T yêu cầu chị C trả số tiền vốn gốc còn nợ lại là 30.400.000 đồng trong số tiền 50.000.000 đồng vay vào tháng 8/2014. Nhận thấy lời trình bày của Bà T và các chứng cứ mà Bà T nộp cho Tòa là có cơ sở đồng thời chị C vắng mặt không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Bà T. Nay Bà T chỉ yêu cầu chị C trả vốn gốc số tiền còn nợ lại 30.400.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Thời gian thực hiện trả số tiền trên làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu này của Bà T là có cơ sở phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Ngọc C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét thấy tại phiên tòa, Bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị C trả số tiền vay đầu năm 2014 là 5.000.000 đồng và hai phần tiền hụi là 5.000.000 đồng và 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Bà T là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu trên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính được lập tại công an xã Tân Hương ngày 16/11/2019, biên bản chứng kiến về việc thỏa thuận dân sự ngày 20/11/2019 tại

công an xã Tân Hương và đơn tường trình ngày 11/12/2019 của chị Lê Thị Ngọc C, mà nguyên đơn cung cấp. Nhận thấy bị đơn là chị Lê Thị Ngọc C thừa nhận có vay của Bà T số tiền là 47.000.000 đồng vào năm 2017, lãi suất thỏa thuận là 6%/1 tháng. Chị đã trả được 03 tháng tiền lãi nhưng sau đó không có khả năng trả nữa. Do chị không trả nợ nên Bà T có thuê xã hội đen đòi nợ chị, nên ngày 15/10/2019 chị đã trả cho Bà T 10.000.000 đồng thông qua 04 thanh niên mà Bà T thuê tại quán cây Sấu Đen. Chị thừa nhận còn nợ lại Bà T số tiền vốn gốc là 37.000.000 đồng. Xét thấy đây là chứng cứ có thật phù hợp với khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời chị C vắng mặt không có ý kiến phản đối với lời trình bày của Bà T và các chứng cứ nêu trên. Do đó Hội đồng xét xử, xác định chị C có vay tiền của Bà T và còn nợ lại Bà T vốn gốc là 37.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay Bà T thừa nhận có nhận số tiền lãi từ chị C là 6.600.000 đồng, và đồng ý cần trừ vào vốn gốc mà chị C còn nợ lại. Không yêu cầu trả lãi cũng như lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ. Xét thấy việc Bà T đồng ý cần trừ 6.600.000 đồng vào vốn gốc và không yêu cầu trả lãi là có lợi cho chị C, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận. Vậy chị C còn nợ lại Bà T số tiền vốn gốc là 30.400.000 đồng.

[5] Về thời gian trả nợ: Bà T yêu cầu chị C thực hiện trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật, tại phiên tòa chị C vắng mặt không có ý kiến về vấn đề này. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc chị C kéo dài thời gian trả nợ đã gây thiệt hại quyền lợi cho Bà T. Do đó cần buộc chị C phải trả số tiền vay còn nợ lại 30.400.000 đồng cho Bà T, khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà T.

[6] Về án phí: Do một phần yêu cầu khởi kiện của Bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể là: (30.400.000 đồng x 5%) là 1.520.000 đồng.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 26, Điều 5 và Điều 244, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

- Buộc chị Lê Thị Ngọc C có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị T số tiền vốn gốc còn nợ lại là 30.400.000 đồng (ba mươi triệu bốn trăm ngàn đồng). Thời gian trả thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với yêu cầu trả số tiền vay là 5.000.000 đồng và hai phần tiền hui 5.000.000 đồng và 20.000.000 đồng.

3/ Về án phí:

- Chị Lê Thị Ngọc C phải chịu 1.520.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Phạm Thị T 1.675.000 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 01568 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm